| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN ĐỐNG ĐA**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>---------- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>---------- |

Bản án số: **22**/2019/KDTM-ST
Ngày: 24 /7/ 2019
V/v tranh chấp: Hợp đồng tín dụng

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thuý Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Quỳnh Thơ

2. Bà Phạm Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 về: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B

Trụ sở: Phố K, Phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc quản lý nợ.

Bà Vũ Thị Anh Đ ủy quyền lại cho bà Bùi Thị Nhất L – Nhân viên (theo giấy ủy quyền số 173/UQ-QLN.18 ngày 25/01/2019) - có mặt.

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển I.

Trụ sở: đường L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H – Giám đốc.

Vắng mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Bình T, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội.

2. Ông Trần Văn S S, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 101 C1 tập thể H, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội.

4. Ông Trần Cao C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường Đ, quận X, thành phố Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường Đ, quận X, thành phố Hà Nội.

6. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT và trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày:***

Ngân hàng thương mại cổ phần B - Phòng giao dịch L cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển I, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số: NGL.DN.124.051016 ngày 10 tháng 10 năm 2016; Số tiền vay: 5.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm tỷ đồng chẵn)*; Thời hạn vay: 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng); Phương thức vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động. Để thực hiện Hợp đồng tín dụng số: NGL.DN.124.051016 ngày 10 tháng 10 năm 2016; Ngân hàng B đồng ý giải ngân cho Công ty I bằng Khế ước nhận nợ số 01 số tham chiếu: 226903689 ngày 15/11/2016; Khế ước nhận nợ số 02 số tham chiếu: 227431229 ngày 23/11/2016; Khế ước nhận nợ số 03 số tham chiếu: 228093799 ngày 06/12/2016; Khế ước nhận nợ số 04 số tham chiếu: 228734739 ngày 15/12/2016, việc giải ngân cụ thể chi tiết như sau:

Khế ước nhận nợ số 01 số tham chiếu: 226903689 ngày 15/11/2016: Số tiền vay: 1.640.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng chẵn)*; Số tiền thực tế giải ngân: 1.640.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*); Thời hạn vay: 06 tháng (kể từ ngày 15/11/2016 đến ngày 15/05/2017); Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 15168668 của Công ty I tại Ngân hàng B; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay được quy định như sau: Trong hạn: Lãi suất vay: 7.50%/năm; Lãi suất vay (ngày): Không áp dụng; Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Từ tháng thứ 04 lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay = LS13 (%/năm) + 3.10%/năm + X; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Khế ước nhận nợ số 02 số tham chiếu: 227431229 ngày 23/11/2016: Số tiền vay: 911.240.000 VNĐ (*Bằng chữ: Chín trăm mười một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)*; Số tiền thực tế giải ngân: 911.240.000 VNĐ (*Bằng chữ: Chín trăm mười một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)*; Thời hạn vay: 06 tháng (kể từ ngày 24/11/2016 đến ngày 24/05/2017); Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 15168668 của Công ty I tại

Ngân hàng B; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay được quy định như sau: Trong hạn: Lãi suất vay: 7.50%/năm; Lãi suất vay (ngày): Không áp dụng; Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Từ tháng 04, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay = LS13 (%/năm) + 3.10%/năm + X; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Khế ước nhận nợ số 03 số tham chiếu: 228093799 ngày 06/12/2016: Số tiền vay: 1.195.150.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*; Số tiền thực tế giải ngân: 1.195.150.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*; Thời hạn vay: 06 tháng (kể từ ngày 06/12/2016 đến ngày 06/06/2017); Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 15168668 của Công ty I tại Ngân hàng B; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay được quy định như sau: Trong hạn: Lãi suất vay: 8.40%/năm; Lãi suất vay (ngày): Không áp dụng; Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Từ tháng thứ 04, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay = LS13 (%/năm) + 3.10%/năm + X; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Khế ước nhận nợ số 04 số tham chiếu: 228734739 ngày 15/12/2016: Số tiền vay: 1.253.610.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi ba triệu sáu trăm mười nghìn đồng chẵn)*; Số tiền thực tế giải ngân: 1.253.610.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi ba triệu sáu trăm mười nghìn đồng chẵn)*; Thời hạn vay: 06 tháng (kể từ ngày 16/12/2016 đến ngày 16/06/2017); Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 15168668 của Công ty I tại Ngân hàng B; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay được quy định như sau: Trong hạn: Lãi suất vay: 8.40%/năm; Lãi suất vay (ngày): Không áp dụng; Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Từ tháng thứ 04, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay = LS13 (%/năm) + 3.10%/năm + X; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 07/06/2017, Công ty I đã trả cho Ngân hàng B số tiền là:

| STT | Khế ước nhận nợ số | Trả gốc (VNĐ) | Trả Phạt (VNĐ) | Trả Lãi (VNĐ) | Tổng cộng (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 226903689 | 0 | 0 | 33.943.674 | 33.943.674 |
| 2 | 227431229 | 0 | 0 | 15.756.858 | 15.756.858 |
| 3 | 228093799 | 0 | 0 | 19.799.652 | 19.799.652 |
| 4 | 228734739 | 0 | 0 | 17.843.049 | 17.843.049 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Tổng cộng | 0 | 0 | 87.343.233 | 87.343.233 |

Công ty I không trả được tiền nợ gốc, tiền lãi quá hạn, tiền phí phạt chậm trả, chỉ trả được tiền lãi trong hạn là: 87.343.233 đồng.

Trong quá trình vay vốn, Công ty I đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 16/05/2017, Ngân hàng B đã chuyển nợ quá hạn đối với tài khoản số 226903689; ngày 22/05/2017, Ngân hàng B đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với tài khoản số 228734739 và tài khoản số 228093799; ngày 25/05/2017, Ngân hàng B ra thông báo chuyển nợ quá hạn đối với tài khoản số 227431229.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng B xin rút yêu cầu buộc Công ty I phải thanh toán tiền phí phạt chậm trả lãi. Do vậy, tính đến ngày 24/07/2019, Công ty I còn nợ Ngân hàng B cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số 01 - tài khoản vay số: 226903689 ngày 15/11/2016: Dư nợ gốc ban đầu: 1.640.000.000 đồng; Dư nợ gốc đã trả: 0 đồng; Dư nợ lãi đã trả: 33.943.674 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 33.943.674 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phạt chậm trả lãi đã trả: 0 đồng; Dư nợ gốc còn nợ là: 1.640.000.000 đồng; Dư nợ lãi còn nợ: 708.532.159 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 38.489.659 đồng; Lãi quá hạn: 670.042.500 đồng. *Tổng cộng gốc + lãi chưa trả tạm tính đến ngày 24/07/2019 là: 2.348.532.159 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi hai nghìn một trăm năm mươi chín đồng).*

Khế ước nhận nợ số 02 - tài khoản vay số: 227431229 ngày 23/11/2016: Dư nợ gốc ban đầu: 911.240.000 đồng; Dư nợ gốc đã trả: 0 đồng; Dư nợ lãi đã trả: 15.756.858 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 15.756.858 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phạt chậm trả lãi đã trả: 0 đồng; Dư nợ gốc còn nợ: 911.240.000 đồng; Dư nợ lãi còn nợ: 339.436.900 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 24.489.575 đồng; Lãi quá hạn: 314.947.325 đồng. *Tổng cộng gốc + lãi chưa trả tạm tính đến ngày 24/07/2019 là: 1.250.676.900 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm đồng).*

Khế ước nhận nợ số 03 - tài khoản vay số: 228093799 ngày 06/12/2016: Dư nợ gốc ban đầu: 1.195.150.000 đồng; Dư nợ gốc đã trả: 0 đồng; Dư nợ lãi đã trả: 19.799.652 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 19.799.652 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phạt chậm trả lãi đã trả: 0 đồng; Dư nợ gốc còn nợ: 1.195.150.000 đồng; Dư nợ lãi còn nợ: 439.586.129 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 41.152.998 đồng; Lãi quá hạn: 398.433.131 đồng. *Tổng cộng gốc + lãi chưa trả tạm tính đến ngày 24/07/2019 là: 1.634.736.129 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm ba mươi tư triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn một trăm hai mươi chín đồng).*

Khế ước nhận nợ số 04 - tài khoản vay số: 228734739 ngày 15/12/2016: Dư nợ gốc ban đầu: 1.253.610.000 đồng; Dư nợ gốc đã trả: 0 đồng; Dư nợ lãi đã trả: 17.843.049 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 17.843.049 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phạt chậm trả lãi đã trả: 0 đồng; Dư nợ gốc còn nợ: 1.253.610.000 đồng;

Dư nợ lãi chưa trả: 459.848.524 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 41.926.290 đồng; Lãi quá hạn: 417.922.234 đồng. *Tổng cộng gốc + lãi chưa trả tạm tính đến ngày 24/07/2019 là: 1.713.458.524 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn năm trăm hai mươi tư đồng).*

Tổng số tiền Công ty I còn nợ Ngân hàng B tạm tính đến ngày 24/07/2019 là: 6.947.403.712 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm mười hai đồng),* bao gồm: Nợ gốc: 5.000.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 1.947.403.712 đồng, trong đó: Dư nợ lãi trong hạn: 146.058.522 đồng; Dư nợ lãi quá hạn: 1.801.345.190 đồng.

2. Các khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm thế chấp, cụ thể như sau: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 15, diện tích: 180 m2; địa chỉ: xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của Hộ ông Nguyễn Đình H H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 850074, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 01810/QSDĐ/3648/QĐ-UBH do UBND huyện L cấp ngày 26/11/2004, đăng ký sang tên cho ông Trần Cao C tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện L ngày 17/06/2009. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: NGL.BĐDN.68.051016 được công chứng tại Phòng Công chứng, thành phố Hà Nội, số công chứng 8122 16, quyển số: 04TP/CC-SCC/HĐGD, ngày công chứng: 10/10/2016. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận L, ngày đăng ký: 11/10/2016.

Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 10/10/2016 do ông Trần Bình T, ông Trần Văn S S ký. Theo đó, Ông Trần Bình T, ông Trần Văn S S đồng ý cùng trả nợ với Bên được cấp tín dụng (là Công ty I) khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng B. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng với Ngân hàng B (bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác).

Do vậy, Ngân hàng B kính đề nghị:

1. Công ty I phải trả cho Ngân hàng B tổng dư nợ còn thiếu (gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 24/07/2019 là: 6.947.403.712 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm mười hai đồng)*, bao gồm: Nợ gốc là 5.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 146.058.522 đồng; Lãi quá hạn: 1.801.345.190 đồng.

2. Công ty I tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng B theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã nêu ở trên kể từ ngày 24/07/2019 cho đến khi Công ty I trả dứt nợ. Công ty I phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, phí (nếu có), các khoản phải trả khác (nếu có), lãi quá hạn, lãi trong hạn.

3. Nếu Công ty I không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 15, diện tích: 180 m2; địa chỉ: xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của Hộ ông Nguyễn Đình H H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 850074, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 01810/QSDĐ/3648/QĐ-UBH do UBND huyện L cấp ngày 26/11/2004, đăng ký sang tên cho ông Trần Cao C tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện L ngày 17/06/2009. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: NGL.BĐDN.68.051016 được công chứng tại Phòng Công chứng, thành phố Hà Nội, số công chứng 8122 16, quyển số: 04TP/CC-SCC/HĐGD, ngày công chứng: 10/10/2016. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận L, ngày đăng ký: 11/10/2016.

4. Đồng thời ông Trần Bình T và ông Trần Văn S S có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 10/10/2016.

* ***Bị đơn Công ty I*** vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có bản tự khai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S S, ông Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Hồng H, ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có bản tự khai.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Cao C*** vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, có bản tự khai ngày 28/02/2018: Ngày 28/02/2018, tôi có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 08/2018/TLST-KDTM theo thủ tục thông thường về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tôi là chủ sở hữu tài sản tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 15, diện tích 80m2; địa chỉ: xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội. Hiện tài sản này đang được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty I tại Ngân hàng B, được ký bởi hợp đồng hạn mức tín dụng số : NGL.DN.124.051016 ngày 10/10/2016. Khoản vay này đang bị quá hạn và được Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý theo đơn khởi kiện của Ngân hàng B.

Như tôi được biết Công ty I đang gặp khó khăn về mặt kinh doanh và tài chính nên không thể có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, đồng thời giám đốc hiện tại cũng không có mặt tại Công ty vì có lý do riêng nên vắng mặt.

Vì vậy, với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tôi đề nghị được phối kết hợp cùng phía Ngân hàng để bán tài sản trên thanh toán khoản nợ Ngân hàng cho Công ty I, đồng thời xin phía Ngân hàng hỗ trợ các khoản lãi cho Công ty.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bình T*** vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt đề ngày 28/4/2019 nội dung: Tôi có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, yêu cầu có mặt lúc 08 giờ 30

phút ngày 06/5/2019 tại Tòa án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là ngân hàng B và bị đơn là Công ty I. Nhưng vì hiện nay tôi đang đi có việc ở xa nên không thể tới dự buổi triệu tập tại tòa. Vì vậy, tôi làm đơn này trình lên quý Tòa xin được vắng mặt buổi triệu tập hôm đó.

Quá trình tiến hành tố tụng, người khởi kiện cung cấp cụ thể, đúng địa chỉ của người bị kiện là Công ty I; Trụ sở: đường L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S S, địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; bà Nguyễn Thị Bích H, địa chỉ: 101 C1 tập thể H, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; bà Nguyễn Hồng H, địa chỉ: phường Đ, quận X, thành phố Hà Nội; ông Phạm Văn H, ĐKNKTT và trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình và có xác nhận về địa chỉ của Công an: phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; phường Đ, quận X, thành phố Hà Nội; xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập, văn bản tố tụng khác… về địa chỉ của những người có tên nêu trên nhưng họ không đến Toà án làm việc. Toà án đã trao đổi với Công an, Ủy ban nhân dân: phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; phường Đ, quận X, thành phố Hà Nội; xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình. Và đã tiến hành tống đạt, niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong tất cả các buổi làm việc, đại diện Công ty I; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S S; bà Nguyễn Thị Bích H; bà Nguyễn Hồng H; ông Phạm Văn H đều không có mặt và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc vắng mặt của mình.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản phí phạt chậm trả lãi như nội dung đã trình bày ở trên. Và đề nghị tiếp tục tính lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất đã thuận theo hợp đồng tín dụng kèm theo các khế ước nhận nợ.

Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên toà có quan điểm về thực hiện quyền giám sát pháp luật:***

*Phần thủ tục:* Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với việc vắng mặt của Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan tại phiên tòa, đây là lần vắng mặt thứ 2 của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ, vì vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

*Phần nội dung*: Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 và Điều 319 Luật thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng B đối với Công ty I.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng B xin rút yêu cầu về khoản phí phạt chậm trả lãi.

Buộc Công ty I phải thanh toán cho Ngân hàng B số tiền cả gốc và lãi là tính đến ngày 24/07/2019 là: 6.947.403.712 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm mười hai đồng)*, bao gồm: Nợ gốc là 5.000.000.000 đồng; Dư nợ lãi trong hạn: 146.058.522 đồng; Dư nợ lãi quá hạn: 1.801.345.190 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm Công ty I tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NGL.DN.124.051016, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong khoản nợ gốc còn lại cho Ngân hàng B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty I không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp mang tên ông Trần Cao C. Những người quản lý, sử dụng tài sản công trình trên thửa đất nêu trên, có nghĩa vụ bàn giao tài sản đảm bảo cho cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp Công ty I không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng B và sau khi xử lý tài sản thế chấp không đảm bảo để thanh toán khoản nợ, thì ông Trần Bình T, ông Trần Văn S S phải thực hiện theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 10/10/2016 cùng với Công ty I thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại với Ngân hàng B bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phải trả khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tư cách pháp nhân của nguyên đơn và bị đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B và Công ty I là hai đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng nên hai đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập.

[2] Về thẩm quyền và thời hiệu: Ngày 10/10/2016, Ngân hàng B ký hợp đồng tín dụng với Công ty I hợp đồng tín dụng số: NGL.DN.124.051016 kèm theo Khế ước nhận nợ số 01 số tham chiếu: 226903689 ngày 15/11/2016; Khế

ước nhận nợ số 02 số tham chiếu: 227431229 ngày 23/11/2016; Khế ước nhận nợ số 03 số tham chiếu: 228093799 ngày 06/12/2016; Khế ước nhận nợ số 04 số tham chiếu: 228734739 ngày 15/12/2016 với số tiền gốc là: 5.000.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty I không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hợp đồng, không thống nhất được phương án trả nợ, nên ngày 05/12/2017, Ngân hàng B đã nộp đơn khởi kiện Công ty I là trong thời hiệu khởi kiện. Công ty I theo ĐKKD có trụ sở tại đường L, phường T, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Công ty I, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: ông Trần Cao C, ông Trần Bình T, ông Trần Văn S , bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Hồng H, ông Phạm Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Công ty I, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về việc buộc Công ty I thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng B tính đến ngày 24/7/2019 là 6.947.403.712 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm mười hai đồng),* bao gồm: Nợ gốc: 5.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 146.058.522 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.801.345.190 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các trong Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng tự nguyện xin rút phần phí phạt chậm trả lãi. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Xét hợp đồng tín dụng số NGL.DN.124.051016 kèm theo Khế ước nhận nợ số 01 số tham chiếu: 226903689 ngày 15/11/2016; Khế ước nhận nợ số 02 số tham chiếu: 227431229 ngày 23/11/2016; Khế ước nhận nợ số 03 số tham chiếu: 228093799 ngày 06/12/2016; Khế ước nhận nợ số 04 số tham chiếu: 228734739 ngày 15/12/2016 với số tiền gốc là: 5.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng kèm theo các khế ước nhận nợ nêu trên được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty I không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Như vậy khoản vay của Công ty I đã chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng B áp dụng lãi suất quá hạn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền phạt chậm trả lãi. Xét yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên hội đồng xét xử chấp chấp nhận.

Tính đến ngày 24/7/2019, Công ty I không trả được tiền nợ gốc, tiền lãi quá hạn, chỉ trả được tiền lãi trong hạn là: 87.343.233 đồng. Do vậy, Công ty I chưa thanh toán Ngân hàng B tổng số tiền là 6.947.403.712 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm mười hai đồng)*, bao gồm: Nợ gốc: 5.000.000.000 đồng; Dư nợ lãi trong hạn: 146.058.522 đồng; Dư nợ lãi quá hạn: 1.801.345.190 đồng, trong đó: *Đối với khế ước nhận nợ số 01:* Nợ gốc: 1.640.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 38.489.659 đồng; Lãi quá hạn: 641.000.833 đồng; *Đối với Khế ước nhận nợ số 02:* Nợ gốc: 911.240.000 đồng; Lãi trong hạn: 24.489.575 đồng; Lãi quá hạn: 301.392.630 đồng; *Đối với Khế ước nhận nợ số 03:* Nợ gốc: 1.195.150.000 đồng; Lãi trong hạn: 41.152.998 đồng; Lãi quá hạn: 380.655.275 đồng; *Đối với Khế ước nhận nợ số 04:* Nợ gốc: 1.253.610.000 đồng; Lãi trong hạn: 41.926.290 đồng; Lãi quá hạn: 399.274.785 đồng; *Tổng lãi 04 Khế ước:* 1.947.403.712 đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi phát sinh thì kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm Công ty I tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NGL.DN.124.051016, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong khoản nợ gốc còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

- Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng tại Phòng Công chứng , thành phố Hà Nội, số công chứng 8122 16, quyển số: 04TP/CC-SCC/HĐGD, ngày công chứng: 10/10/2016. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận L, ngày đăng ký: 19/10/2016 giữa ông Trần Cao C với Ngân hàng B được ký trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia ký kết đầy đủ năng lực pháp luật, việc ký hợp đồng đúng trình tự, mục đích. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 15, diện tích: 180 m2; địa chỉ: xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của hộ ông Nguyễn Đình H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 850074, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 01810/QSDĐ/3648/QĐ-UBH do UBND huyện L cấp ngày 26/11/2004, đăng ký sang tên cho ông Trần Cao C tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện L ngày 17/06/2009 thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Trần Cao C thuộc sở hữu hợp pháp của người thế chấp và được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền là hợp pháp.

Tại Biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ thực tế nhà đất ngày 04/6/2019 của Tòa án xác định tài sản thế chấp tại Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 15, diện tích: 180 m2; địa chỉ: xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của hộ ông Nguyễn Đình H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 850074, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 01810/QSDĐ/3648/QĐ-UBH do UBND huyện L cấp ngày 26/11/2004, đăng ký sang tên cho ông Trần Cao C nay là số 3 ngõ 187, phố Đ, phường Đ, Quận L,

thành phố Hà Nội không có gì biến động về đất và công trình xây dựng mới phát sinh, ông Trần Cao C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Trên diện tích đất không có ai ăn ở sinh hoạt.

Về xử lý tài sản thế chấp theo mục 8.1.1, điều 8 hợp đồng thế chấp tài sản quy định: "xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng B được quyền xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ được đảm bảo theo quy định tại điều 3 hợp đồng này, bao gồm cả trường hợp Ngân hàng B thu hồi nợ trước hạn……"

Do đó, trong trường hợp Công ty I không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 15, diện tích: 180 m2; địa chỉ: xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội nay là số 3 ngõ 187, phố Đ, phường Đ, Quận L, thành phố Hà Nội, thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của hộ ông Nguyễn Đình H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 850074, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 01810/QSDĐ/3648/QĐ-UBH do UBND huyện L cấp ngày 26/11/2004, đăng ký sang tên cho ông Trần Cao C tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện L ngày 17/06/2009 để thu hồi toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 24/7/2019 là **6.947.403.712 đồng** ***(Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm mười hai đồng)***, bao gồm: Nợ gốc là 5.000.000.000 đồng; Dư nợ lãi trong hạn: 146.058.522 đồng; Dư nợ lãi quá hạn: 1.801.345.190 đồng của Công ty I. Những người quản lý, sử dụng tài sản công trình trên thửa đất nêu trên, có nghĩa vụ bàn giao tài sản đảm bảo cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

[5] Đối với yêu cầu buộc ông Trần Bình T, ông Trần Văn S thực hiện theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 10/10/2016: Ông Trần Bình T, ông Trần Văn S đồng ý cùng trả nợ với Công ty I khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng B (bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác). Đây là thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tại phiên Tòa Ngân hàng B đã rút yêu cầu về phí phạt chậm trả lãi nên không buộc ông Trần Bình T và Trần Văn S phải thực hiện phần phí phạt chậm trả lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự và ghi nhận như sau: Trường hợp Công ty I không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng B và sau khi xử lý tài sản thế chấp không đảm bảo để thanh toán khoản nợ, thì ông Trần Bình T, ông Trần Văn S phải thực hiện theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 10/10/2016 cùng với Công ty I thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại với Ngân hàng B bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phải trả khác.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Công ty I phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.473.772đ (năm mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm bảy hai đồng).

Ngân hàng B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại dân sự sơ thẩm (Ngân hàng B được nhận lại 56.500.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 006734 ngày 23/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

[8] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

*- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng;*

*- Căn cứ Điều 318, 319, 323, 342, 355 của Bộ luật dân sự 2005;*

*- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

**Xử:**

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với Công ty I.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần B về việc rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi.

3. Buộc Công ty I phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số NGL.DN.124.051016 kèm theo Khế ước nhận nợ số 01 số tham chiếu: 226903689 ngày 15/11/2016; Khế ước nhận nợ số 02 số tham chiếu: 227431229 ngày 23/11/2016; Khế ước nhận nợ số 03 số tham chiếu: 228093799 ngày 06/12/2016; Khế ước nhận nợ số 04 số tham chiếu: 228734739 ngày 15/12/2016, tính đến hết ngày 24/7/2019 là **6.947.403.712 đồng** *(Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm mười hai đồng)*, bao gồm: Nợ gốc là 5.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 146.058.522 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.801.345.190 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm Công ty I tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NGL.DN.124.051016, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong khoản nợ gốc còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty I không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 15, diện tích: 180 m2; địa chỉ: xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội nay là số 3 ngõ 187, phố Đ, phường Đ, Quận L, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Trần Cao C. Những người quản lý, sử dụng tài sản công trình trên thửa đất nêu trên, có nghĩa vụ bàn giao tài sản đảm bảo cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp Công ty I không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng B và sau khi xử lý tài sản thế chấp không đảm bảo để thanh toán khoản nợ, thì ông Trần Bình T, ông Trần Văn S phải thực hiện theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 10/10/2016 cùng với Công ty I thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại với Ngân hàng B bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phải trả khác.

4. Về án phí: Công ty I phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 57.473.772đ (năm mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm bảy hai đồng).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 56.500.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 006734 ngày 23/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận bản án:***
- *Các đương sự*
- *VKSND quận Đống Đa + HN*
- *TAND TP Hà Nội.*
- *Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên toà.*
- *Lưu hồ sơ.*
- *Lưu văn phòng TAND quận Đống Đa*

***(đã ký)***

*Nguyễn Thuý Quỳnh*